

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 27-12-2022.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Phú Chánh Thề.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị Ái T, sinh năm 1981.

ĐKTT: ấp Hưng P1, xã Hưng P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp Tân H, xã Tân T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: ông Đặng Xuân V, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Hưng P1, xã Hưng P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà T và ông V vắng mặt (bà T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử vắng mặt, nguyên đơn là bà Lê Thị Ái T trình bày:

Hôn nhân của bà và bị đơn là ông Đặng Xuân V là do tự nguyện. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng P vào năm 2005. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn hạnh phúc gia đình. Ông bà không chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống ông bà có 02 người con chung là Đăng H, sinh ngày 02/8/2005 và Đăng K, sinh ngày 20/3/2015. Hiện các con đang sống với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông V cấp dưỡng cho mỗi người con chung theo quy định pháp luật.

Bà và ông V tự thỏa thuận về tài sản chung, ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông V đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn bà Lê Thị Ái T đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn ông Đăng Xuân V không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Như vậy, ông V không tuân thủ và không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Ái T.

- Về hôn nhân: bà Lê Thị Ái T được ly hôn với ông Đăng Xuân V.

- Về con chung: bà Lê Thị Ái T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đăng H, sinh ngày 02/8/2005 và Đăng K, sinh ngày 20/3/2015, đến khi cháu H và cháu K đủ 18 tuổi.

Buộc ông Đăng Xuân V cấp dưỡng cho 02 con theo quy định pháp luật đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, bà T có quyền khởi kiện vụ kiện khác để yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

Ông V có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: bà Lê Thị Ái T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà Lê Thị Ái T trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị Ái T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Đặng Xuân V. Ông V cư trú tại xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ theo quy định tại các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông V tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 6 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng P, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà T và Biên bản xác minh ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thì bà T và ông V phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được. Ông bà không chung sống với nhau từ năm 2017. Từ khi bà T nộp đơn khởi kiện cho đến nay, bà T và ông V không cải thiện được tình cảm vợ chồng để kéo dài đời sống chung. Đồng thời với yêu cầu xin ly hôn của bà T, ông V không có ý kiến phản đối, bỏ mặc cho bà T tự giải quyết.

Xét thấy, giữa bà T và ông V không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, ông bà đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà T và ông V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T để giải quyết cho bà T được ly hôn với ông V.

[3] Về con chung: theo hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà T thì bà T và ông V có 02 người con chung là Đặng H, sinh ngày 02/8/2005 và Đặng K, sinh ngày 20/3/2015, hiện đang sống với bà T.

Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, ông V không có ý kiến phản đối. Xét thấy, cháu H và cháu K đang sống với bà T, được bà T chăm sóc, giáo dục tốt và các cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà T. Vì vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao cháu H và cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà T có quyền yêu cầu ông V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H và cháu K. Bà T yêu cầu ông V cấp dưỡng cho cháu H và cháu K với mức cấp dưỡng hàng tháng theo quy định pháp luật.

Căn cứ Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy nhằm đảm bảo cho các nhu cầu thiết yếu của cháu H và cháu K, nên việc bà T yêu cầu ông V cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo quy định mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử. Như vậy, căn cứ theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng V trang thì mức lương tối thiểu là 1.490.000 đồng (một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) nên ông V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H và cháu K với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi cháu H, cháu K đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà T trình bày bà và ông V tự thỏa thuận về tài sản chung và ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với ông V thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ông V phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các khoản 5, 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ái T. Bà Lê Thị Ái T được ly hôn với ông Đặng Xuân V.

2. Về con chung: giao cháu Đặng H, sinh ngày 02/8/2005 và Đặng K, sinh ngày 20/3/2015 cho bà Lê Thị Ái T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Buộc ông Đặng Xuân V cấp dưỡng cho cháu Đặng H, sinh ngày 02/8/2005 và cháu Đặng K, sinh ngày 20/3/2015 với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Đặng Xuân V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà Lê Thị Ái T trình bày bà và ông Đặng Xuân V tự thỏa thuận về tài sản chung và ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với ông Đặng Xuân V thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Ái T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009164 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông Đặng Xuân V phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Hưng P, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền